TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI
DNTU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 02 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 02, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**2**			
TN70020	Nhập môn AI *	1	15	15	0
CB70107	DNTU beginning *	1	15	15	0
TA70301	Key English 1 *	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 *	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 *	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community *	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng Nói trước công chúng	1	30	0	30
HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22TC, tự chọn: 0TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0

CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
CB70304	Kỹ năng Quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
QT70002	Kinh tế học	3	45	45	0
QT70003	Nguyên lý Quản trị	3	45	45	0
QT70004	Nguyên lý Marketing	3	45	45	0
CB70411	Bơi lội *	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 8 học phần)					
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71406	Dancesport *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 25 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 23TC, tự chọn: 02TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**23**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0

CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
QT70007	Quản trị marketing	3	60	30	30
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và PTBV	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 26 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 24TC, tự chọn: 02TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**25**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70306	Kỹ năng Đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
QT70006	Phân tích định lượng trong kinh tế	2	45	15	30
KT70207	Kế toán quản trị	3	45	45	0
QT70011	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	45	0
QT70010	Quản trị tài chính	3	60	30	30
QT70009	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 26 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20TC, tự chọn: 06TC)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
QT70005	Pháp luật về kinh doanh	3	45	45	0
QT70018	Chuyển đổi số trong quản trị kinh doanh	2	30	30	0
QT70038	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30	30	0
QT70008	Quản trị chiến lược	3	45	45	0
QT70039	Quản trị chất lượng	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Tự chọn: Chọn 1/2 chuyên ngành)		**6**			
1. Chuyên ngành QTKD (chọn 2/4 môn – 6TC)					
QT71001	Trách nhiệm xã hội	3	45	45	0
QT71002	Hành vi tổ chức	3	45	45	0
QT71046	Quản trị văn phòng	3	60	30	30
LH71016	Tổ chức sự kiện	3	60	30	30
2 Chuyên ngành QTKD (chọn 2/4 môn – 6TC)					
QT71021	Lịch sử thể dục thể thao	3	45	45	0
QT71022	Luật thể dục thể thao	3	45	45	0
QT71033	Kiến thức cơ sở về An toàn trong thể thao	3	45	45	0
QT71034	Tâm lý thể thao	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 17 ín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11TC, tự chọn: 06TC)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0

QT70014	Thực tập chuyên ngành	3	135	0	0
QT70013	Quản trị vận hành	3	60	30	30
QT70012	Quản trị dự án	3	60	30	30
Học phần tự chọn (Tự chọn: Chọn 1/2 chuyên ngành)		**6**			
1. Chuyên ngành QTKD (chọn 2/13 môn – 6TC)					
QT71008	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	60	30	30
QT71010	Quản trị quan hệ khách hàng	3	60	30	30
QT71007	Digital Marketing	3	60	30	30
QT71009	Quản trị bán hàng	3	60	30	30
QT71011	Nghiệp vụ hải quan	3	60	30	30
QT71032	Hành vi khách hàng	3	45	45	0
QT71012	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	30
QT71013	Quản trị Logistics và kho hàng	3	60	30	30
QT71014	Tuyển dụng và đào tạo	3	60	30	30
QT71015	Quan hệ lao động trong tổ chức	3	60	30	30
QT71016	Quản trị tiền lương và phúc lợi	3	60	30	30
QT71035	Đàm phán trong kinh doanh	3	45	45	0
QT71036	Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo	3	45	45	0
2 Chuyên ngành QTKD (chọn 2/9 môn – 6TC)					
QT71008	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	60	30	30
QT71010	Quản trị quan hệ khách hàng	3	60	30	30
QT71025	Quản lý câu lạc bộ thể thao	3	60	30	30
QT71026	Quản lý nhượng quyền trong thể thao	3	60	30	30
QT71027	Tiếp thị và tài trợ thể thao	3	60	30	30
QT71030	Quản lý rủi ro sự kiện	3	60	30	30

QT71037	Tài chính và kinh doanh thể thao	3	60	30	30
QT71038	Quản trị sự kiện thể thao	3	60	30	30
QT71040	Quản lý thể dục thể thao	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***4***			
QT70016	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	200
HỌC KỲ 8: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
QT70040	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	90	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
QT70041	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	45	0
QT70042	Thiết kế mô hình kinh doanh	3	45	45	0